

DANH MỤC

CHUẨN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO, MÔI TRƯỜNG,

TRỒNG TRỌT, BẢO VỆ THỰC VẬT, BIỂN VÀ HẢI ĐẢO, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN

VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (42 THỦ TỤC)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (15 THỦ TỤC)									
I	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (06 THỦ TỤC)									
1	1.010727	Cấp giấy phép môi trường		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Theo Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022			Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Các Nghị định: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Các Thông tư: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; - Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	
1.1		Đối với Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	20 ngày				Toàn trình			
1.2		Đối với các trường hợp còn lại	30 ngày			x	Một phần			

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
2	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	10 ngày	Ủy ban nhân dân thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Các Nghị định: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Các Thông tư: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; - Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	
3	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	25 ngày	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Theo Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022; - Các Quyết định: số 881/QĐ-UBND ngày 05/4/2023; số 460/QĐ-UBND ngày 20/02/2023.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Thực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
4	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Theo Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	x		Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Các Nghị định: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Các Thông tư: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; - Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	
4.1		Đối với đối tượng phải vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	20 ngày				Toàn trình			
4.2		Đối với các trường hợp còn lại	30 ngày				Một phần			
5	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	50 ngày	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Theo Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	x	Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Các Nghị định: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Các Thông tư: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; - Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
6	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	45 ngày	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Theo các Nghị quyết số: 45/2018/NQ-HĐND, 19/2022/NQ-HĐND, 13/2023/NQ-HĐND	x	Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Các Nghị định: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Các Thông tư: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; - Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	
II	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (09 THỦ TỤC)									
1	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	30 ngày	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
2	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng		Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
2.1		Trường hợp cấp lại	15 ngày							
2.2		Trường hợp Thẻ bị lỗi do UBND TP gây ra	05 ngày làm việc							

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
3	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	60 ngày (Đã gồm 30 ngày kể từ ngày UBND TP ra thông báo đề người được cấp Thẻ có ý kiến)	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
4	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	30 ngày	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
5	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng		Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
5.1		Trường hợp cấp lại	15 ngày							
5.2		Trường hợp Thẻ bị lỗi do UBND TP gây ra	05 ngày làm việc							

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Thực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
6	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	60 ngày (Đã gồm 30 ngày kể từ ngày UBND TP ra thông báo đề người được cấp Thẻ có ý kiến)	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
7	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	24 ngày	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Sở hữu trí tuệ - Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
8	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	07 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Sở hữu trí tuệ - Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
9	1.012847	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	20 ngày	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (14 THỦ TỤC)									
I	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (02 THỦ TỤC)									
1	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính		Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm (*)	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Trồng trọt năm 2018; - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
1.1		Trường hợp phục hồi quyết định công nhận	05 ngày làm việc							
1.2		Trường hợp cấp Quyết định công nhận	25 ngày làm việc							

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
2	1.012848	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	- 07 ngày Sở NNMT - 05 ngày STC - 30 ngày người được nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện trách nhiệm nộp tiền tại cơ quan kho bạc theo TB của STC	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Quản lý đất đai)	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024; - Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13/9/2024; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
II LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT (07 THỦ TỤC)										

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
2	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật		Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	800.000 đồng		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Các Nghị định: Số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Các Thông tư: Số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015; số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021; số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025. - Quyết định số 4009/QĐ-UBND ngày 01/11/2024.	
2.1		Trường hợp cấp giấy	14 ngày làm việc							
2.2		Khi nhận được bản báo cáo khắc phục	74 ngày làm việc							

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Thực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
3	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	10 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	600.000 đồng		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; - Các Thông tư: Số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015; số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021; - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021; - Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2023.	
4	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	13 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	500.000 đồng		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Trồng trọt năm 2018; - Các Nghị định: số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019; số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
5	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón		Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	200.000 đồng		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Trồng trọt năm 2018; - Các Nghị định: số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019; số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018; -Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
5.1		Trường hợp thay đổi địa điểm buôn bán phân bón	13 ngày làm việc							
5.2		Trường hợp thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận	05 ngày làm việc							
6	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	05 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Trồng trọt năm 2018; - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
7	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	01 ngày	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Các Thông tư: Số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015; số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
III	LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (02 THỦ TỤC)									

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Thực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
1	1.000705	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc các văn bản yêu cầu		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018; Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Thông tư: số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016; số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023; - Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
1.1		Dữ liệu đơn giản	05 ngày làm việc							
1.2		Dữ liệu phức tạp	20 ngày làm việc							
1.3		Dữ liệu quá phức tạp	35 ngày làm việc							
2	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018; Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Thông tư: số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016; số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023; - Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
2.1		Dữ liệu đơn giản	05 ngày làm việc							
2.2		Dữ liệu phức tạp	20 ngày làm việc							
2.3		Dữ liệu quá phức tạp	35 ngày làm việc							
IX	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN (03 THỦ TỤC)									
1	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	01 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2015; - Quyết định số 1049/QĐ-BNNMT ngày 23/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
2	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuễn thể hai mảnh vỏ	01 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2015; - Quyết định số 1049/QĐ-BNNMT ngày 23/4/2025.	
3	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	14 ngày	Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	700.000 đồng/cơ sở		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Các Thông tư: số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018; số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018; 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024; -Quyết định số 1049/QĐ-BNNMT ngày 23/4/2025.	02 đơn vị thực hiện: - Phòng Phát triển nông thôn - Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN (06 THỦ TỤC)									
I	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (04 THỦ TỤC)									
1	1.010723	Cấp giấy phép môi trường		UBND cấp huyện	Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND	x		Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Các Nghị định: số 08/2022/NĐ-CP, số 05/2025/NĐ-CP ngày	
1.1		Đối với Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	20 ngày				Toàn trình			

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
1.2		Trường hợp còn lại	30 ngày				Một phần		06/01/2025; - Các Thông tư: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; - Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	
2	1.010724	Cấp đổi giấy phép môi trường	10 ngày	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Các Nghị định: số 08/2022/NĐ-CP, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Các Thông tư: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; - Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
3	1.010725	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	25 ngày	UBND cấp huyện	Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Các Nghị định: số 08/2022/NĐ-CP, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Các Thông tư: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; - Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	
4	1.010726	Cấp lại giấy phép môi trường		UBND cấp huyện	Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND	x		Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Các Nghị định: số 08/2022/NĐ-CP, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Các Thông tư: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; - Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	
4.1		Đối với Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	20 ngày				Toàn trình			
4.2		Trường hợp còn lại	30 ngày				Một phần			
II	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (02 THỦ TỤC)									

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
1	1.012849	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	20 ngày	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
2	1.012850	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	- 12 ngày đối với cấp huyện - 30 ngày đối với người được nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện trách nhiệm nộp tiền tại cơ quan kho bạc theo thông báo của cơ quan Tài chính cấp huyện	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
D	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ (07 THỦ TỤC)									
I	LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO (05 THỦ TỤC)									

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
1	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Không quy định	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021; - Các Thông tư: số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021; 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022; - Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	
2	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021; - Các Thông tư: số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021; 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022; - Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	
3	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Cư trú năm 2020 - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021; - Các Thông tư: số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021; 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022; - Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Thực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
1	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	15 ngày	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Các Nghị định: số 08/2022/NĐ-CP, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Các Thông tư: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; - Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025.	
III LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (01 THỦ TỤC)										
1	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024; - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	